

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 35/2020/HS-ST
Ngày 22-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Thông

2. Ông Lê Văn Do

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 03/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 07/9/2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC T, sinh năm 1985 tại huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q (chết) và bà Vũ Thị C, sinh năm 1963; có vợ là Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1990 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017, hiện vợ con đang sinh sống tại thôn 7, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; tiền sự: Không, tiền án: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Chí Th**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Làng K, xã K, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 90/1 đường H, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Anh **Trần Đình P**, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số 35 đường P, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 35 đường P, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn 7, xã A, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Y**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Làng K, xã Ko, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Anh **N**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Làng K, xã Ko, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào năm 2014, gia đình anh Nguyễn Chí Th khai thác tại rẫy cà phê của gia đình 01 cây gỗ hương. Sau đó, anh Th cưa cây gỗ hương thành 02 khúc và đào gốc, rễ cây hương mang về để phía sau nhà Rông (khu vực sân bóng đá) thuộc làng K, xã Ko, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (gần nhà anh Th).

Vào ngày 02/5/2020, Nguyễn Đức T đi qua khu vực sân bóng đá làng K thì phát hiện có 02 khúc gỗ hương và 01 gốc, rễ cây gỗ hương của gia đình anh Th để trong khu vực phía sau nhà Rông nhưng không có người trông coi, quản lý nên T nảy sinh ý định trộm cắp số gỗ trên để bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 03/5/2020, do có quen biết trong việc mua bán gỗ với Nguyễn Minh H nên T gặp và nói chuyện với H về việc có số gỗ hương muốn bán thì H nói với T “Cứ đưa gỗ về để H xem”, T trả lời “Gỗ dài và nặng không có xe chở” nên H nói để H kiếm xe chở.

Đến khoảng 10 giờ ngày 05/5/2020, Nguyễn Minh H điện thoại cho Trần Đình P để thuê P lái xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-108.80 của P xuống huyện Đak Đoa gặp T chở gỗ về thành phố Pleiku cho H và cho số điện thoại của T để Phú liên lạc với T thì P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-108.80 từ nhà xuống đến Nghĩa trang xã Tân Bình, P gọi điện thoại cho T, để T dẫn P đi chở gỗ. T đi xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 dẫn P đi đến khu vực sân bóng đá làng K, xã Kon Gang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến vị trí 02 khúc gỗ hương và 01 gốc, rễ gỗ hương. P hỏi T: “Gỗ này có giấy tờ gì không? thì T nói: “Có giấy tờ đầy đủ” rồi P cùng T đưa 01 khúc gỗ hương nhỏ hơn lên thùng xe tải, khúc gỗ còn lại nặng T và P không đưa lên thùng xe ô tô được nên T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 đến nhà anh Y để nhờ anh Y bốc gỗ lên xe ô tô giúp và T nhờ anh N đang đứng chơi ở đường gần

đó để cùng T và P đưa khúc gỗ hương và một gốc, rễ gỗ hương lên thùng xe ô tô. Sau khi bốc xong số gỗ trên lên thùng xe tải thì P điều khiển xe ô tô đi trước, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 đi theo sau. Khi T chuẩn bị đi thì cháu Nguyễn Chí Ki là con trai của anh Th phát hiện T lấy trộm gỗ của gia đình nên đã nói với T và gọi điện thoại báo cho anh Th để đuổi theo nhưng không kịp. P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-108.80 chở số gỗ trên về nhà trọ của H tại phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku để T giao số gỗ trên. H và P thỏa thuận tiền thuê xe chở là 2.000.000 đồng, H đưa trước cho P 900.000 đồng, sau đó P đi về. T và H thỏa thuận mua bán số gỗ trên với số tiền 2.500.000 đồng, H đưa trước cho T 1.800.000 đồng, sau khi nhận tiền thì T về nhà.

Ngày 05/5/2020, anh Nguyễn Chí Th làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa để xử lý theo quy định.

Ngày 07/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đức T để xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Theo Kết luận định giá tài sản số 63, ngày 09/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đak Đoa xác định:

- 01 khúc gỗ tròn, có kích thước dài 4m, đường kính đầu lớn 0,33m, đường kính đầu nhỏ 0,22m; khối lượng gỗ là 0,264m³; chủng loại gỗ hương đến thời điểm bị chiếm đoạt là 3.500.000 đồng.

- 01 khúc gỗ tròn có kích thước 2,76m, đường kính đầu lớn 0,21m, đường kính đầu nhỏ 0,21m; khối lượng gỗ là 0,095m³; chủng loại gỗ hương đến thời điểm bị chiếm đoạt là có giá trị là 2.500.000 đồng.

- 01 gốc, rễ cây (đã mục rỗng, không rõ hình) có kích thước cao 1,45m, kích thước rộng thân 0,50m, kích thước rộng bộ rễ 1,22m; chủng loại gỗ hương đến thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản theo Kết luận định giá là 6.600.000 đồng.

2. Về dân sự:

- Bị hại anh Nguyễn Chí Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, anh Th không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Minh H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng mà T đã nhận của anh H khi anh H mua gỗ của T.

3. Các vấn đề khác: Đối với 02 khúc gỗ hương và 01 gốc, rễ hương mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa thu giữ thuộc sở hữu của anh Nguyễn Chí Th; 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-108.80 thuộc sở hữu của ông Trần Văn Đ (là cha của anh Trần Đình P), việc anh P điều khiển xe ô tô đi chở gỗ cho bị cáo T thì anh P và ông Đ không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp;

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Lê Thị T (mẹ vợ của bị cáo T); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A51W thuộc sở hữu của bị cáo T. Những tài sản có liên quan đến việc phạm tội nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 01/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- **Về dân sự:** Anh Nguyễn Chí Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, anh Th không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét;

+ Anh Nguyễn Minh H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng mà T đã nhận của anh H khi anh H mua gỗ của T nên không xem xét.

- **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A51W, màu xanh–đen; số Imei 1: 868573021444879; số Imei 2: 868573021444861 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đức T.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 05/5/2020, tại khu vực sân bóng đá thuộc làng Kóp, xã Kon Gang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Đức T đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý về tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí Th 02 khúc gỗ hương và 01 gốc, rễ cây gỗ hương, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 6.600.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T đã có đầy đủ năng lực và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do mình thực hiện, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tuấn không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Để đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, cần có thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với anh Nguyễn Minh H là người đã mua số gỗ hương do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng khi mua anh H không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có, hành vi của H không cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Đình P được Nguyễn Minh H thuê đi chở gỗ hương mua của Nguyễn Đức T, anh P có tham gia bốc và vận chuyển gỗ cho Tuấn nhưng anh P không biết số gỗ trên là tài sản do T trộm cắp được mà có, hành vi của Trần Đình P không cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Y và anh N tham gia bốc gỗ lên xe ô tô biển kiểm soát 81C-108.80, nhưng khi bốc số gỗ trên anh Y và anh N không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có, hành vi của anh Y và anh N không cấu thành tội phạm nên không xử lý đối Y và N.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Chí Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh Nguyễn Minh H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214 thuộc sở hữu của bà Lê Thị T (mẹ vợ của bị cáo T). Việc bị cáo Tuấn sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện để phạm tội thì bà T không biết nên phải trả lại cho bà Lê Thị T.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đức T, bị cáo sử dụng điện thoại trên để liên lạc cho việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điều luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đức T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ (Ngày **07/5/2020**).

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà Lê Thị T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 77F7-2214, kiểu dáng Dream, nhãn hiệu DAMSEL, màu nâu; dung tích xi lanh 97cm³; loại xe nữ; số máy LC150FMG00632763; số khung Y00004363 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số biển số 77F7-2214 mang tên Nguyễn Tấn L, cấp ngày 17/01/2001.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A51W, màu xanh – đen; số Imei 1: 868573021444879; số Imei 2: 868573021444861.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/9/2020) bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đak Đoa;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Minh Chính